

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 05 và 5 tháng năm 2012

A. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KHÓ KHĂN CỦA DOANH NGHIỆP

Trong tháng 4 năm 2012, Cục Thống kê thành phố đã tiến hành điều tra phỏng vấn 1.904 doanh nghiệp (được chọn mẫu) đang hoạt động tại thời điểm 1/1/2011 thuộc các loại hình sở hữu nhằm phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ của các Bộ, ngành ở trung ương và địa phương. Cuộc điều tra thu thập những thông tin phản ánh thực trạng về điều kiện sản xuất; những khó khăn, trở ngại về các yếu tố liên quan tới sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của khu vực doanh nghiệp. Số doanh nghiệp được chọn để điều tra bao gồm: 39 doanh nghiệp nhà nước (chiếm 8,1% trong tổng số doanh nghiệp nhà nước); 1.689 doanh nghiệp ngoài nhà nước (chiếm 1,9% trong tổng số doanh nghiệp ngoài nhà nước) và 176 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (chiếm 6,1% trong tổng số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)

Kết quả điều tra của 1.904 doanh nghiệp cho thấy: sau 15 tháng (từ ngày 1/1/2011 đến ngày 1/4/2012), số doanh nghiệp thực tế còn hoạt động có liên hệ và tiếp cận được chiếm 64% tổng số doanh nghiệp được chọn mẫu để điều tra; số doanh nghiệp phá sản, giải thể và doanh nghiệp ngừng sản xuất kinh doanh, đang hoàn thành thủ tục phá sản, giải thể (gọi chung là doanh nghiệp phá sản, giải thể) chiếm 6,7% và số doanh nghiệp tạm ngừng sản xuất (dự kiến sẽ hoạt động trở lại) chiếm 1,6% và số doanh nghiệp không thể tiếp cận được do chuyển địa chỉ hoạt động, không còn hoạt động đang làm thủ tục giải thể (điều tra viên không liên hệ trực tiếp được với đơn vị) và không đúng địa chỉ (tình trạng khác) .. . chiếm tới 27,7% số doanh nghiệp đang hoạt động tại thời điểm 1/1/2011 trong tổng số doanh nghiệp được chọn mẫu để điều tra (riêng khu vực ngoài nhà nước là 30,3%).

* **Tình trạng doanh nghiệp đã phá sản, giải thể được điều tra:** 61,9% do sản xuất kinh doanh thua lỗ; 28,6% doanh nghiệp thiếu vốn để sản xuất kinh doanh; 4,8% doanh nghiệp không tiêu thụ được sản phẩm; 9,5% doanh nghiệp khó khăn về địa điểm sản xuất kinh doanh; 5,3% doanh nghiệp phải đóng cửa doanh nghiệp để thành lập doanh nghiệp mới hoặc chuyển đổi ngành nghề sản xuất kinh doanh và 4,8%

doanh nghiệp đóng cửa doanh nghiệp để sát nhập với doanh nghiệp khác. 100% doanh nghiệp phá sản giải thể là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

*** Tình trạng hoạt động của 1.187 doanh nghiệp được điều tra:**

- Trong số các doanh nghiệp theo quy định phải nộp thuế năm 2011: tỷ lệ doanh nghiệp không có khả năng nộp thuế giá trị gia tăng là 11,8% (trong đó ngành vận tải kho bãi là 17,6%, ngành công nghiệp 15,2%). Doanh nghiệp không có khả năng nộp thuế xuất nhập khẩu là 12,1% (riêng ngành công nghiệp là 18,3%). Số doanh nghiệp không có khả năng nộp thuế tập trung chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ.

- 44,9% trong tổng số doanh nghiệp khảo sát đang vay vốn cho sản xuất kinh doanh. Trong số doanh nghiệp vay vốn có tới 44,4% phải vay với lãi suất bình quân năm trên 19%. 73% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng mức lãi suất bình quân năm chấp nhận được không quá 14%.

- Trong số 11 yếu tố được phỏng vấn thuộc môi trường kinh doanh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của khu vực doanh nghiệp, có 5 yếu tố cản trở lớn nhất, trong đó: Lạm phát cao và biến động thất thường là yếu tố cản trở hàng đầu (chiếm 30,5%); Lãi suất vay vốn quá cao là yếu tố thứ hai (24,3%); Xếp vị trí thứ ba là tiếp cận nguồn vốn khó khăn (10,7%); Chính sách điều hành kinh tế không ổn định (10,5%); Chi phí vận tải cao (8,5%); thuế suất (7,7%).

- Hiện tại, có tới 41,1% số doanh nghiệp dự kiến thu hẹp sản xuất kinh doanh mà nguyên nhân chủ yếu là do nhu cầu thị trường trong nước giảm (73,2%), do khó khăn tiếp cận vốn vay (38,1%) và do khó khăn trong việc mua nguyên liệu đầu vào (50,4%). Có 13,9% số doanh nghiệp dự kiến giảm quy mô về lao động, 9,9% số doanh nghiệp dự kiến giảm quy mô về vốn và có tới 32,2% số doanh nghiệp dự kiến giảm về doanh thu và 35,3% số doanh nghiệp dự kiến giảm về lợi nhuận.

Kiến nghị của doanh nghiệp đối với nhà nước tập trung hỗ trợ cải thiện các yếu tố chủ yếu sau: Ổn định kinh tế vĩ mô; ổn định lãi suất vay vốn hợp lý; hỗ trợ lãi suất vay vốn; ổn định giá điện; cải thiện cơ sở hạ tầng; hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm trong nước; tập trung nguồn vốn hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa; cải tiến thuế suất và công tác quản lý thuế,...

B. TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI

I. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp tháng 5 ước tăng 0,7% so với tháng trước, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm 2011. Năm tháng ước tăng **4,8%** so với cùng kỳ. Trong đó công nghiệp khai thác mỏ tăng 5,9%, công nghiệp chế biến tăng 5%.

Chỉ số phát triển công nghiệp tháng 5 của một số ngành

Đơn vị tính: %

	So với tháng 4/2012	5 tháng so với cùng kỳ 2011
Tổng số	100,7	104,8
Phân theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai thác mỏ	87,8	105,9
2. Công nghiệp chế biến	100,7	105,0
3. SX, tập trung và phân phối điện, ga, nước	104,0	100,6
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất bơ, sữa	81,1	118,3
2. Sản xuất bia và mạch nha	98,9	106,0
3. Sản xuất quần áo	103,3	94,7
4. Giày, dép	107,3	103,8
5. In	94,6	115,9
6. Sản phẩm từ plastic	104,2	102,3
7. Sản xuất xi măng, vôi, vữa	124,0	83,3
8. Sản xuất sắt, thép	108,5	120,9

Trong 28 ngành sản xuất có 13 ngành tăng so cùng kỳ, trong đó có 8 ngành sản xuất tăng cao hơn mức tăng bình quân chung của ngành: sản xuất sản phẩm khác từ cao su (+37,8%); sản xuất sắt, thép (+20,9%); sản xuất bơ, sữa (+18,3); in (+15,9); khai thác lọc và phân phối nước (+6,4); sản xuất bột giấy, giấy và bì (+5,1%); sản xuất giày, dép (+3,8%)...

Các ngành sản xuất giảm so cùng kỳ là: xi măng, vôi, vữa (-16,7%); thuốc, hóa dược và dược liệu (-7,6%); sản xuất thuốc lá (-6,2%); quần, áo (-5,3%) ...

II. NÔNG NGHIỆP

1. Trồng trọt

Sản xuất vụ Đông xuân: Tổng diện tích gieo trồng vụ Đông xuân 11.783 ha, tăng 14,2% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, lúa gieo trồng 6.910 ha, tăng 27,5%. Sản lượng đạt 32.236 tấn, tăng 33,4% so với cùng kỳ năm trước.

Bắp 654 ha, tăng 10,5%; sản lượng tăng 13,3%. Đậu phộng 146 ha; rau 3.641 ha, giảm 0,9%, sản lượng đạt 87.847 tấn, tăng 1,9%.

Năng suất các loại cây trồng đều tăng so với cùng kỳ năm trước.

Diện tích gieo trồng vụ Hè thu: Lúa đã xuống giống 2.367 ha thấp hơn 21,3% so với tiến độ cùng kỳ năm trước. Rau gieo trồng 1.398 ha bằng 89,9% cùng kỳ, đậu phộng 98 ha.

2. Chăn nuôi:

Theo kết quả điều tra chăn nuôi thời điểm 1/4/2012, số lượng gia súc, gia cầm đều tăng so với cùng thời điểm năm trước.

Gia súc: đàn trâu của thành phố 5.546 con, tăng 10%; đàn bò 105.073 con, tăng 3,8% (riêng bò sữa đạt 81.350 con tăng 6,2%).

Đàn heo 308,7 ngàn con, xấp xỉ cùng kỳ. 91,5% tổng đàn được nuôi tại khu vực nhân dân, tăng 1,3% so với thời điểm 1/4/2011.

Gia cầm: đàn gà 225 ngàn con, tăng 67,2%. Đàn gà công nghiệp chiếm 93,2% tổng đàn, tăng 55,9% so với thời điểm 1/4/2011.

3. Thủy sản (tại huyện Cần Giờ)

Sản lượng tháng 5/2012 ước đạt 4.036 tấn, tăng 12,7% so tháng trước. Sản lượng đánh bắt chiếm 56,2%, tăng 12,4%; nuôi trồng chiếm 43,8%, tăng 13,1%.

Tổng sản lượng thủy sản 5 tháng đầu năm ước đạt 16.042 tấn tăng 20,7% so cùng kỳ năm 2011. Trong đó sản lượng nuôi trồng 6.819 tấn, tăng 61,9%; sản lượng khai thác 9.223 tấn, tăng 1,6%.

Tình hình thả nuôi tôm: Tính đến ngày 9/5 đã có 569 lượt hộ thả nuôi với 72,4 triệu con tôm sú giống trên diện tích 3.194,9 ha; tôm thẻ chân trắng có 1.146 lượt hộ thả nuôi với 816,3 triệu con giống trên diện tích 1.198,2 ha.

III. ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng: Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn 5 tháng ước thực hiện 34.677 tỷ đồng, tăng 10,1% so với cùng kỳ (5 tháng/2011 tăng 15,6%), so với kế hoạch năm đạt 19,7%. Hiện nay các doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn về nguồn vốn, thị trường bất động sản khó tiêu thụ ...

Tổng vốn đầu tư xây dựng thuộc ngân sách thành phố 5 tháng ước thực hiện 5.096,2 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ. Cấp thành phố ước thực hiện 3.057,1 tỷ đồng, chiếm 59%; cấp quận huyện ước thực hiện 2.039,1 tỷ đồng, chiếm 41%.

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách địa phương

	Thực hiện 5 tháng (tỷ đồng)	So với cùng kỳ 2011(%)
Tổng vốn đầu tư	5.096,2	111,0
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	380,0	77,8
Cấp thành phố	3.057,1	133,8
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	206,3	107,3
Cấp quận huyện	2.039,1	88,5
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	173,7	58,4

Khối lượng thực hiện trong 5 tháng tập trung chủ yếu ở các dự án có nguồn vốn ODA như: dự án cải thiện môi trường nước giai đoạn 1; dự án nâng cấp đô thị... và một số dự án khác như: xây dựng cầu Rạch Tra; mở rộng tỉnh lộ 10; bồi thường giải phóng mặt bằng công viên Hồ Khánh Hội, quận 4; các dự án kết nối với cầu Phú Mỹ...

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm:

- Dự án đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh– ngã ba Dầu Giây: Phía quận 2 tiếp tục đền bù giải tỏa;
- Dự án cầu Rạch Chiếc: nhánh bên trái còn lại tính từ cầu Sài Gòn, khối lượng thực hiện đạt trên 85%;
- Dự án tuyến đường sắt đô thị Bến Thành - Suối Tiên và mở rộng xa lộ Hà Nội: Phần giải tỏa: tiếp tục thương lượng các hộ dân còn lại ở quận 9 và Thủ Đức; Phần thi công: đang tiến hành di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Dự án đường vành đai Tân Sơn Nhất- Bình Lợi: tiến độ thi công chậm, do vướng ở một số điểm chưa giải tỏa.

2. Tình hình cấp phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở hộ dân cư:

Tính đến ngày 30 tháng 4, toàn thành phố đã cấp 11.862 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 2.169,6 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 10.378 giấy phép, với diện tích 2.024,4 ngàn m² và 1.484 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 145,2 ngàn m².

So với cùng kỳ bằng 90,9% về giấy phép (giảm 1.186 giấy phép) và bằng 94% về diện tích (giảm 139,3 ngàn m²).

3. Cấp phép đầu tư nước ngoài:

Từ đầu năm đến ngày 15/5, đã có 141 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư với vốn đăng ký 174,8 triệu USD (vốn điều lệ 57,1 triệu USD). Theo hình thức đầu tư: Liên doanh 34 dự án, vốn đầu tư 16,5 triệu USD, 100% vốn nước ngoài 107 dự án, vốn đầu tư 158,3 triệu USD.

- Chia theo lĩnh vực đầu tư: Ngành công nghiệp 16 dự án, vốn đầu tư 32,8 triệu USD; ngành thương nghiệp 46 dự án, vốn đầu tư 33,7 triệu USD; vận tải kho bãi 8 dự án, vốn đầu tư 3,1 triệu USD; ngành xây dựng 11 dự án, vốn đầu tư 7,7 triệu USD; thông tin và truyền thông 22 dự án, vốn đầu tư 2,8 triệu USD; hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ 30 dự án, vốn đầu tư 32,8 triệu USD. Ngành y tế 2 dự án, vốn đầu tư đứng đầu với 83,8 triệu USD, chiếm 47,9% tổng vốn, trong đó có dự án bệnh viện Quốc tế Hoàng Gia vốn đầu tư 81,3 triệu USD;....

- Chia theo đối tác đầu tư: Nhật Bản 31 dự án, vốn đầu tư 21,8 triệu USD (chiếm 12,4%); Singapore 25 dự án, vốn đầu tư 95,2 triệu USD (chiếm 54,4%); Hàn

Quốc 16 dự án vốn đầu tư 4,8 triệu USD; Pháp 7 dự án vốn đầu tư 10,3 triệu USD; Malaysia 6 dự án vốn đầu tư 4,3 triệu USD; Trung Quốc 5 dự án, vốn đầu tư 3,9 triệu USD; Áo 1 dự án vốn đầu tư 9 triệu USD;....

Dự án điều chỉnh vốn đầu tư 32 dự án, tăng 463,7 triệu USD. Tính từ đầu năm đến 15/5, tổng vốn được cấp mới và điều chỉnh là 638,5 triệu USD.

16 dự án giải thể, chuyển đi tỉnh thành và rút phép trước thời hạn, vốn đầu tư 1.258,3 triệu USD.

Số dự án còn hiệu lực hoạt động đến ngày 15/5 trên địa bàn thành phố là 4.236 dự án với tổng vốn đầu tư 30,9 tỷ USD.

IV. THƯƠNG MẠI GIÁ CẢ

1. Nội thương:

Để khuyến khích người tiêu dùng, các công ty bán lẻ và trung tâm thương mại liên tục mở những đợt khuyến mãi trên giá bán hoặc kèm sản phẩm, nhưng sức mua vẫn không tăng được nhiều do người dân tiết kiệm chi tiêu hơn và tập trung cho nhu cầu thiết yếu của đời sống. Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ trong tháng 5 trên địa bàn thành phố ước đạt 44.315 đồng, tăng 13% so với tháng trước: kinh tế nhà nước 9.242 đồng, tăng 1,1%; kinh tế ngoài nhà nước 33.830 tỷ đồng, tăng 1,3%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 1.243 tỷ đồng, tăng 0,9%.

So với tháng 5/2011, tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tăng 23%; trong đó doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tăng 62,7% (chủ yếu do tăng lượng khách quốc tế đến bằng đường biển) và doanh thu khách sạn tăng 31%.

Ước tính 5 tháng đầu năm, tổng mức hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ đạt 215.504 tỷ đồng, tăng 21,2% so với cùng kỳ năm trước.

- + Kinh tế nhà nước 45.231 tỷ đồng, tăng 19%;
- + Kinh tế ngoài nhà nước 164.018 tỷ đồng, tăng 21,9%;
- + Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 6.256 tỷ đồng, tăng 18,9%.

Mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ phân theo ngành hàng

	Ước thực hiện 5 tháng (Tỷ đồng)			% so sánh 5 tháng so với cùng kỳ		
	Trên địa bàn	K.tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN	Trên địa bàn	K. tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN
Tổng mức	215.504	209.248	6.256	121,2	121,3	118,9
Tr.đó: Thương nghiệp	175.528	174.100	1.428	120,7	120,7	127,3
Khách sạn	3.442	1.801	1.641	114,5	121,7	107,6
Nhà hàng	19.440	18.964	476	123,0	123,0	121,6
Dịch vụ du lịch lữ hành	7.036	6.598	438	136,6	137,2	127,1

Loại trừ yếu tố biến động giá, lượng tiêu thụ hàng hoá và dịch vụ tăng 8,0% (cùng kỳ năm trước tăng 9,5%).

Doanh thu du lịch (bao gồm dịch vụ du lịch lữ hành và khách sạn) ước 5 tháng đạt 10.478 tỷ đồng, tăng 28,4% so với cùng kỳ, trong đó khách sạn chiếm 32,8%, tăng 14,5% (riêng khu vực có vốn nước ngoài tăng 7,6%).

2. Giá cả

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 5 tăng 0,06% so với tháng trước; khu vực thành thị tăng 0,07%, khu vực nông thôn tăng 0,04%. Loại trừ 2 nhóm có mức giảm giá là “nhà ở, điện, nước, chất đốt” (-1,64%) và “đồ uống và thuốc lá” (-0,06%); 9 nhóm hàng còn lại đều có mức giá tăng, trong đó 6 nhóm tăng cao hơn mức tăng bình quân chung: hàng hóa và dịch vụ khác (+1,72%), giao thông (+1,22%), văn hóa, giải trí và du lịch (+0,18%), may mặc, mũ nón, giày dép (+0,3%), thiết bị đồ dùng gia đình (+0,16%), ăn và dịch vụ ăn uống (+0,1%).

Tuy nhóm hàng “ăn và dịch vụ ăn uống” tăng 0,1%, nhưng nhóm hàng thực phẩm và lương thực đều có mức giảm so với tháng trước (hàng lương thực giảm 4 tháng liên tục và hàng thực phẩm là 3 tháng liên tục trong 5 tháng qua)

Một số biến động của nhóm mặt hàng trong tháng so với tháng trước: gạo giảm 0,53%, gia súc tươi sống giảm 1,16%; gia cầm tươi sống giảm 0,71%; thịt chế biến giảm 0,28%, trứng các loại giảm 0,43%, dầu mỡ ăn giảm 1,97%; nhóm thủy hải sản tươi sống giảm 0,19%; nhóm thủy hải sản chế biến giảm 0,22%; các loại đậu hạt tăng 0,27%; rau các loại tăng 0,40%; trái cây các loại tăng 1,03%; đồ gia vị tăng 0,29%; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,87% Giá nhiên liệu bình quân chung trong tháng (tính từ ngày 15 tháng 4 đến ngày 15/5) tăng 2,27% ... các nhóm hàng hóa và dịch vụ còn lại có mức biến động tăng, giảm không đáng kể.

So với tháng 5/2011 chỉ số giá tiêu dùng tăng 7,2%. 6/11 nhóm hàng có mức tăng giá cao hơn mức tăng bình quân chung: hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+8,59%), hàng hóa và dịch vụ khác (+11,25%), giáo dục (+8,8%), thiết bị đồ dùng gia đình (+8,39%), may mặc – mũ nón – giày dép (+7,76%), giao thông (+7,38%). Duy nhất 1 nhóm có mức giá giảm là bưu chính viễn thông (-1,69%).

So với tháng 12/2011, chỉ số giá tiêu dùng tăng 2,49% (thấp hơn mức tăng 10,78% của tháng 5/2011).

Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và USD tháng 5

	Đơn vị tính: %			
	Tháng 5 so với tháng cùng kỳ năm trước		Tháng 5 so với tháng 12 năm trước	
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012
1. Chỉ số giá tiêu dùng	116,15	107,20	110,78	102,49
Trong đó: Lương thực	120,26	110,20	106,64	97,97
Thực phẩm	126,50	104,59	117,59	100,70
2. Chỉ số giá vàng	126,50	104,59	117,59	100,70
3. Chỉ số giá USD	139,49	113,76	104,59	94,08

Giá vàng tháng 5 giảm 3,17% so với tháng trước, tăng 13,76% so với tháng 5/2011 nhưng so với tháng 12/2011 đã giảm 5,92%.

Chỉ số tỷ giá USD tháng 5 tăng 0,13% so với tháng trước, giảm 1,72% so với tháng 12/2011 nhưng tăng 0,45% so với tháng 5/2011.

V. XUẤT NHẬP KHẨU

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố 5 tháng đầu năm (không tính dầu thô) đạt 18.552,2 triệu USD, tăng 1.092,2 triệu USD so với 5 tháng đầu năm 2011 (tăng 6,3%). Khu vực kinh tế trong nước chiếm 65,7%, tăng 2,7%; khu vực có vốn nước ngoài chiếm 34,3%, tăng 13,9%.

1. Xuất khẩu

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 5 ước thực hiện 2.342,2 triệu USD, tăng 1,2% so với tháng trước; **Nếu không tính giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu đạt 1.693,2 triệu USD, tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 6,3% so với tháng 5/2011.**

Năm tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước thực hiện 10.875,6 triệu USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước. **Loại trừ dầu thô, trị giá xuất khẩu đạt 7.910,9 triệu USD, tăng 9%**; khu vực kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 41,2% trong mức xuất khẩu của thành phố.

Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế (không tính dầu thô)

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 5	5 tháng	Tháng 5 với tháng 4	5 tháng với cùng kỳ 2011
Tổng số	1.693,2	7.910,9	101,2	109,0
Kinh tế Nhà nước	381,2	1.870,4	101,1	104,2
Kinh tế tập thể	2,0	10,3	101,2	108,5
Kinh tế tư nhân	571,0	2.772,6	101,1	106,1
Kinh tế có vốn nước ngoài	739,0	3.257,6	101,3	114,8

Ước tính một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của khu vực kinh tế trong nước và so sánh với cùng kỳ năm trước:

+ Gạo 351,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,5% trong kim ngạch xuất khẩu hàng hoá không kể dầu (cùng kỳ năm trước là 13,5%), giảm 46,6%; trong đó giảm 46,9% về lượng, giá tăng 0,7%. Thị trường chủ yếu là Malaysia (40%), Philippin (30%) và Indonesia (25%).

+ Thủy sản 170,3 triệu USD, tăng 8%. Hiện nay thị trường xuất khẩu đi các nước Châu Âu bị thu hẹp bởi khó khăn về kinh tế; thị trường Châu Á và Mỹ tiếp tục

gặp khó khăn do dư lượng các chất cấm sử dụng trên sản phẩm; chí phí sản xuất tăng, lãi suất đi vay cao cũng đã ảnh hưởng rất lớn đối với các doanh nghiệp chế biến hàng xuất khẩu.

+ May mặc 938,1 triệu USD, tăng 9%; xuất khẩu sang thị trường Mỹ và Châu Âu do cuộc khủng hoảng nợ của các quốc gia Châu Âu. Hiện nay các doanh nghiệp dệt may đang rất khó tìm được đơn hàng có số lượng lớn và đơn hàng dài hạn, số hợp đồng ký được tập trung ở doanh nghiệp có thương hiệu có tiềm lực mạnh; còn lại, những doanh nghiệp nhỏ, những doanh nghiệp không có điều kiện làm hàng trực tiếp với đối tác xuất khẩu mà phải làm vệ tinh cho các công ty trong nước thì khó khăn rất nhiều.

+ Giày dép 246,3 triệu USD, tăng 8,8%;

+ Dầu thô 2.964,7 triệu USD, tăng 1,2%. Trong đó lượng giảm 9,8%, giá bình quân tăng 12,1%.

2. Nhập khẩu

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tháng 5 ước thực hiện 2.201,7 triệu USD, tăng 4,3% so tháng trước; khu vực kinh tế trong nước chiếm 70,8% và khu vực kinh tế nước ngoài chiếm 29,2%. So với tháng 5/2011, kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tăng 6,7%.

Năm tháng đầu năm, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu ước thực hiện 10.611,3 triệu USD, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước.

Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 5	5 tháng	Tháng 5 với tháng 4	5 tháng với cùng kỳ 2011
Tổng số	2.201,7	10.611,3	101,1	104,3
Kinh tế Nhà nước	629,2	3.113,1	101,1	101,0
Kinh tế tập thể	0,5	3,9	101,5	102,4
Kinh tế tư nhân	930,0	4.407,4	101,1	101,1
Kinh tế có vốn nước ngoài	642,0	3.086,9	101,1	113,0

Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 5 tháng của khu vực kinh tế trong nước và so sánh với cùng kỳ năm trước:

- Sữa và sản phẩm sữa ước thực hiện 300,6 triệu USD, tăng 52,8%;
- Nhiên liệu 549,6 triệu USD, giảm 55,7%;
- Nguyên phụ liệu may 304,7 triệu USD, tăng 12,7%;
- Sắt thép 84 triệu USD, giảm 3,4%;
- Phụ liệu giày dép 78,6 triệu USD, tăng 18,5%;

- Tơ và sợi dệt 23,3 triệu USD, giảm 15%;
- Tân dục 352,6 triệu USD, tăng 0,1%.

VI. VẬN TẢI

1. Vận tải hàng hóa và hành khách:

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 5 ước đạt tỷ 3.798,7 tỷ đồng, tăng 2,8% so với tháng trước và tăng 33,9% so với tháng 5/2011. Tổng doanh thu của 5 tháng đầu năm đạt 17.246,4 tỷ đồng, tăng 29,8% so với cùng kỳ năm trước; trong đó khu vực kinh tế nhà nước chiếm 17%, tăng 19,8%.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 5 tháng đầu năm

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh 5 tháng với cùng kỳ 2011	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	11.296,5	5.949,9	126,6	136,6
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	2.488,3	448,0	118,9	125,6
Kinh tế ngoài nhà nước	8.706,6	4.328,1	129,0	145,5
Kinh tế có vốn nước ngoài	101,7	1.173,8	119,9	114,4
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	5.844,9	4.870,9	130,4	144,2
Đường sông	1.011,5	91,1	129,3	132,5
Đường biển	4.400,4		121,3	

Doanh thu vận tải hàng hóa ước tháng 5 ước đạt 2.551,9 tỷ đồng, tăng 2,6% so với tháng trước; tính chung 5 tháng đạt 11.296,5 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 65,5% trong tổng doanh thu vận chuyển, tăng 26,6%. Doanh thu ngành vận tải đường biển chiếm tỷ trọng 39% trong doanh thu vận chuyển hàng hóa và tăng 21,3% so với 5 tháng cùng kỳ năm trước.

Doanh thu vận tải hành khách tháng 5 ước đạt 1.246,8 tỷ đồng, tăng 3,3% so với tháng trước; 5 tháng ước đạt 5.949,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 34,5% trong tổng doanh thu vận chuyển, tăng 36,6% so với cùng kỳ. Trong đó đường bộ chiếm 81,9% doanh thu của ngành này và tăng 44,2%.

2. Hàng hóa qua cảng:

Lượng hàng hóa thông qua cảng biển và cảng sông của thành phố tháng 5 ước đạt 5.857 nghìn tấn, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 19,6% so với tháng 5/2011. Năm tháng ước đạt 26.918,5 nghìn tấn, tăng 15,1% so với 5 tháng/2011; trong đó hàng hoá xuất khẩu 10.200,8 ngàn tấn, chiếm 37,9%, tăng 15,6%; hàng nhập khẩu 12.059,9 ngàn tấn, chiếm 44,8%, tăng 7,3%. Hàng qua cảng biển chiếm 96,4% sản lượng, tăng 16,2%; qua cảng sông chiếm 3,6%, giảm 7,2% so với cùng kỳ..

Hàng hoá thông qua cảng

	Ước thực hiện (nghìn tấn)		% so sánh	
	Tháng 5	5 tháng	Tháng 5 với tháng 4	5 tháng với cùng kỳ 2011
Tổng số	5.857,4	26.918,5	100,6	115,1
<i>* Phân theo loại cảng</i>				
Cảng biển	5.676,0	25.958,1	100,8	116,2
Cảng sông	181,4	960,4	93,0	91,8
<i>* Phân theo loại hàng bốc xếp</i>				
Hàng xuất khẩu	2.273,0	10.200,8	100,8	115,6
Hàng nhập khẩu	2.442,9	12.059,9	100,9	107,3
Hàng nội địa	1.141,5	4.657,8	99,4	140,6

Doanh thu bốc xếp hàng hóa tháng 5 ước đạt 587,4 tỷ đồng, tăng 2,2% so với tháng trước và tăng 23,6% so với tháng 5/2011. Dự ước 5 tháng đầu năm đạt 2.636,1 tỷ đồng, tăng 21,9% so với cùng kỳ năm trước.

VII. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Tài chính:

Nhìn chung, tổng thu ngân sách Nhà nước tháng 5 giảm so tháng 4 do thành phố triển khai Nghị định số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, trong đó có các giải pháp gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập đối với một số doanh nghiệp; giảm tiền thuê đất.

Tổng thu ngân sách Nhà nước 5 tháng ước thực hiện 87.030 tỷ đồng, đạt 37,2% dự toán, giảm 1,6% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa đạt 46.953 tỷ đồng, đạt 38,1% dự toán, giảm 0,3% so cùng kỳ; thu từ dầu thô đạt 15.144 tỷ đồng, đạt 60,6% dự toán, tăng 10,7%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 24.000 tỷ đồng, đạt 30,4% dự toán, giảm 11%.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2012 (Tỷ đồng)		% thực hiện 5 tháng năm 2012 so với	
	Dự toán	Ước TH 5 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2011
Tổng thu	233.682	87.030	37,2	98,4
Tổng thu cân đối ngân sách NN	227.200	86.098	37,9	98,1
I- Thu nội địa	123.300	46.953	38,1	99,7
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	26.800	9.523	35,5	90,7

2. Khu vực ngoài nhà nước	33.700	12.111	35,9	109,4
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	31.000	10.943	35,3	109,0
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	78.900	24.000	30,4	89,0
III- Thu từ dầu thô	25.000	15.144	60,6	110,7

Thu từ doanh nghiệp nhà nước 5 tháng ước đạt 9.523 tỷ đồng, chiếm 20,3% tổng thu nội địa, giảm 9,3% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương 5.533 tỷ đồng, giảm 9,8%; Nhà nước địa phương 3.990 tỷ đồng, giảm 8,5%. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 12.111 tỷ đồng, chiếm 25,8%, tăng 9,4% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 10.943 tỷ đồng, chiếm 23,3%, tăng 9%. Thu khác đạt 14.377 tỷ đồng, giảm 7,1%; trong đó thuế sử dụng đất giảm 54,7%.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 5 tháng ước đạt 18.585,4 tỷ đồng, đạt 43,4% dự toán, giảm 0,8% so cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 5 tháng ước thực hiện 18.706 tỷ đồng, đạt 43,7% dự toán, tăng 16,6% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2012 (Tỷ đồng)		% thực hiện 5 tháng năm 2012 so với	
	Dự toán	Ước TH 5 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2011
Tổng chi (trừ tạm ứng)	42.810	18.706	43,7	116,6
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	11.400	9.677	84,9	102,1
Trong đó: trả lãi và vốn vay	1.162	15	1,3	3,5
II- Chi thường xuyên	23.800	8.339	35,0	127,5
Trong đó: Sự nghiệp kinh tế	3.836	1.225	31,9	149,5
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	6.441	2.059	32,0	123,6
Sự nghiệp y tế	2.519	868	34,4	107,0
Quản lý hành chính	3.259	1.256	38,5	126,7

Chi đầu tư phát triển 5 tháng ước thực hiện 9.677 tỷ đồng, tăng 2,1% so cùng kỳ, trong đó chi trả lãi vốn vay đạt 15 tỷ đồng, bằng 3,5%.

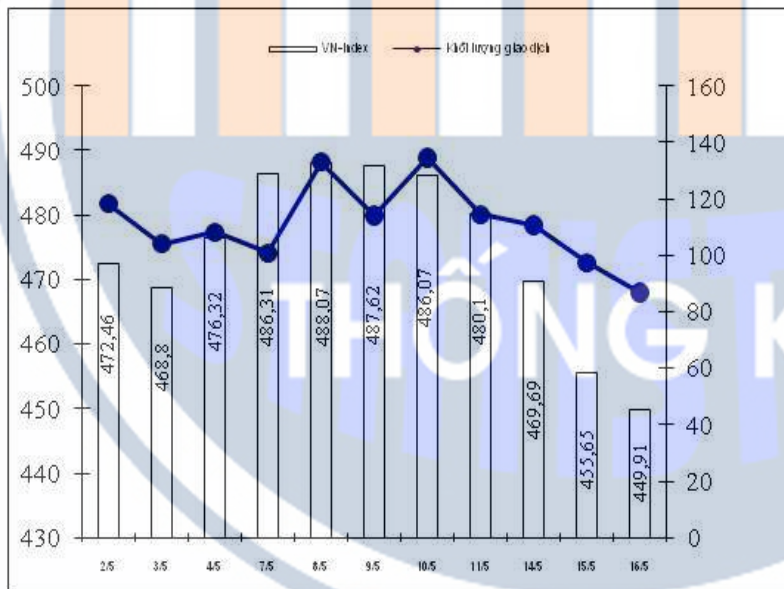
Chi thường xuyên 5 tháng ước đạt 8.339 tỷ đồng, tăng 27,5% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 1.225 tỷ đồng, tăng 49,5%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 2.059 tỷ đồng, tăng 23,6%; chi sự nghiệp y tế 868 tỷ đồng, tăng 7%; chi quản lý hành chính tăng 26,7%; chi đảm bảo xã hội tăng 39,2%; chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học tăng 67%.

Tổng chi ngân sách nhà nước địa phương kể cả tạm ứng 5 tháng ước đạt 32.098 tỷ đồng, đạt 75% dự toán, tăng 12,9% so cùng kỳ.

2. Tín dụng ngân hàng:

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến cuối tháng 5 ước đạt 903,5 ngàn tỷ đồng, tăng 0,6% so tháng trước, tăng 11,9% so cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 58,1% tổng vốn huy động, tăng 8,2% so cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 21,1%, giảm 11,7% so cùng kỳ. Vốn huy động VND chiếm 78,9% tổng vốn huy động, tăng 20,5% so cùng kỳ, trong đó tiền gửi tiết kiệm tăng 22%, chiếm 39,8%.

- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến cuối tháng 5 ước đạt 762,2 ngàn tỷ đồng, tăng 0,4% so tháng trước, tăng 1,6% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 382,2 ngàn tỷ đồng, chiếm 50,1% tổng dư nợ, giảm 0,6% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 209,1 ngàn tỷ đồng, chiếm 27,4% tổng dư nợ, giảm 8,2% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VND chiếm 72,6% tổng dư nợ, tăng 5,8% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng trung dài hạn chiếm 43,1%, giảm 2,1%. Dư nợ tín dụng ngắn hạn tăng 4,6% so cùng kỳ.



3- Thị trường chứng khoán:

Tính đến ngày 16/5 tổng số chứng khoán giao dịch khớp lệnh là 308 gồm 303 cổ phiếu và 5 chứng chỉ quỹ. Tổng giá trị niêm yết toàn thị trường đạt 294.236 tỷ đồng, tăng 11,2% so với đầu năm, trong đó: cổ phiếu đạt 222.806 tỷ đồng, chiếm 75,7%, trái phiếu đạt 68.669 tỷ đồng, chiếm

23,3%, chứng chỉ quỹ đạt 2.761 tỷ đồng, chiếm 0,9%. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết đạt 636.902 tỷ đồng, tăng 39,9% so đầu năm. VN-Index tại thời điểm báo cáo đạt 449,91 điểm, tăng 28% so đầu năm, tương ứng tăng 98,36 điểm.

- Khối lượng giao dịch của 16 ngày đầu tháng 5 đạt 1.221 triệu chứng khoán, tăng 28,1% so tháng 4, bình quân mỗi phiên có 111 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị đạt 1.800,9 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch cổ phiếu đạt 1.183,2 triệu cổ phiếu, tăng 30,6% so tháng trước; khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 1.140,1 triệu chứng khoán, tăng 33,5% so tháng trước; khối lượng giao dịch thỏa thuận đạt 80,9 triệu chứng khoán, giảm 18,3% so tháng trước. Lũy kế từ đầu năm khối lượng giao dịch đạt 6.688,6 triệu chứng khoán, tăng 139,8% so cùng kỳ. Trong đó khối lượng giao dịch cổ phiếu đạt 6.328,6 triệu cổ phiếu, tăng 129,9% so cùng kỳ; khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 5.721,9 triệu chứng khoán, tăng 141,9%.

- Giá trị giao dịch của 16 ngày đầu tháng 5 đạt 19.809,6 tỷ đồng, tăng 36,2% so tháng trước và tăng 250% so cùng kỳ. Trong đó: giá trị giao dịch của các cổ phiếu đạt 19.274,9 tỷ đồng, chiếm 97,3%, tăng 254,9% so cùng kỳ; giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 17.697,2 tỷ đồng, chiếm 89,3% tổng giá trị giao dịch, tăng 111,8% so cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm tổng giá trị giao dịch đạt 104.566,3 tỷ đồng, tăng 60% so cùng kỳ. Trong đó giá trị giao dịch cổ phiếu đạt 98.567,6 tỷ đồng, tăng 52,9%; giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 81.886,4 tỷ đồng, tăng 54,3% so cùng kỳ.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	16 ngày tháng 5	Lũy kế đến tháng 5	Tháng 5 so tháng 4	5 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	1.221,0	6.688,6	128,1	239,8
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	1.183,2	6.328,6	130,6	229,9
Trái phiếu	-	11,5	-	162,7
Chứng chỉ quỹ	37,8	348,5	79,8	1.201,7
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	1.140,1	5.721,9	133,5	241,9
Giao dịch thỏa thuận	80,9	966,7	81,7	228,3
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	19.809,6	104.566,3	136,2	160,0
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	19.274,9	98.567,6	139,1	152,9
Trái phiếu	-	1.051,1	-	162,7
Chứng chỉ quỹ	534,7	4.947,6	76,9	1.949,4
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	17.697,2	81.886,4	145,5	154,3
Giao dịch thỏa thuận	2.112,4	22.679,9	88,5	184,6

XIII. VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Y tế (từ tháng 1 đến hết tháng 4/2012)

- **Bệnh sốt xuất huyết:** trong 4 tháng đã có 2.889 ca mắc, giảm 10,9% (giảm 354 ca) so với cùng kỳ năm 2011; trong đó có 03 ca tử vong. Riêng trong tháng 04 là 591 ca, xấp xỉ tháng trước và tăng 29,9% so với tháng cùng kỳ năm trước.

- **Bệnh tay chân miệng:** trong 4 tháng có 2.680 ca, gấp 2,3 lần so với cùng kỳ năm trước, trong đó có 3 ca tử vong. Bệnh xuất hiện rải đều ở tất cả các quận/huyện trên địa bàn thành phố nhiều nhất ở Quận 8 (281 ca), Quận Bình Tân (180) và Huyện Bình Chánh (235 ca). Ngành y tế thành phố đã thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát, hỗ trợ các quận/huyện trong công tác truyền thông và vệ sinh khử khuẩn phòng chống bệnh. Yêu cầu các quận/huyện tăng cường giám sát, phát hiện sớm các ca bệnh trong cộng đồng qua tổ dân phố, y tế địa phương và trường học.

- **Các bệnh truyền nhiễm khác:** bệnh thủy đậu 166 ca, giảm 28 ca so cùng kỳ; bệnh viêm não mô cầu có 11 ca (năm trước không có). Viêm não virus 36 ca, không có tử vong (cùng kỳ năm trước có 4 ca tử vong). Bệnh quai bị 132 ca, gấp 2,3 lần năm trước...

- **Vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP):** Ngành chức năng thường xuyên thực hiện công tác thanh tra, trọng tâm là các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, các sản phẩm thực phẩm dễ nhiễm vi sinh, có sử dụng phụ gia phẩm màu trên địa bàn thành phố. Chưa có vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn thành phố từ đầu năm đến nay.

2. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/3/2012 đến ngày 15/4/2012)

- **Vi phạm kinh tế, môi trường:** đã phát hiện và xử lý 42 vụ vi phạm kinh tế, thu giữ nhiều loại hàng hóa trị giá trên 88 tỷ đồng.

- Phát hiện 44 trường hợp vi phạm môi trường tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh, giết mổ gia súc, chế biến thực phẩm, các công ty, doanh nghiệp thu gom chất thải và các hệ thống xử lý chất thải.

- **Phạm pháp hình sự:** Đã xảy ra 409 vụ, giảm 21 vụ so với cùng kỳ năm trước; làm chết 07 người, bị thương 46 người, thiệt hại tài sản trị giá trên 6,9 tỷ đồng. Các vụ phạm pháp hình sự chủ yếu là: giết người (08 vụ), cướp tài sản (27 vụ), cướp giật (103 vụ), cố ý gây thương tích (22 vụ), trộm cắp tài sản (207 vụ) ...Số vụ phạm pháp hình sự đã được điều tra khám phá là 275 vụ, bắt 344 người.

- Tình hình hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội

+ **Ma túy:** trong tháng có 112 vụ vi phạm, trong đó: mua bán – tàng trữ 79 vụ, sử dụng trái phép chất ma túy 33 vụ, đã khởi tố 74 vụ với 103 người vi phạm; xử lý hành chính 38 vụ với 138 người vi phạm. Lập hồ sơ tập trung 163 người nghiện vào trung tâm cai nghiện, cơ sở chữa bệnh và giáo dục tại phường/xã.

+ **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** đã triệt phá 10 ổ mại dâm lợi dụng kinh doanh nhà trọ, khách sạn để hoạt động, lập hồ sơ xử lý 54 người tổ chức môi giới và gái mại dâm. Chuyển cho ngành thương binh xã hội cải tạo tập trung 13 gái mại dâm, 148 đối tượng lang thang, xin ăn, 252 đối tượng nghiện ma túy. Kiểm tra lập biên bản 522 cơ sở dịch vụ giải trí vi phạm quy định.

+ **Cờ bạc, cá độ:** Đã lập hồ sơ xử lý 166 vụ tổ chức cờ bạc với 812 người tham gia, thu giữ trên 502 triệu đồng và nhiều hiện vật.

- **Trật tự an toàn giao thông:** xảy ra 56 vụ tai nạn giao thông đường bộ, so với tháng trước tăng 12 vụ, so với cùng kỳ năm trước giảm 32 vụ; làm chết 51 người, bị thương 21 người, làm hư hỏng 67 xe các loại.

Đã lập biên bản hành chính 128,6 ngàn trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tạm giữ 6.834 xe các loại, tước giấy phép lái xe 8.609 trường hợp, ... chuyển kho bạc nhà nước thu trên 21,8 tỷ đồng.

- **Về tình hình cháy, nổ:** xảy ra 11 vụ cháy so với tháng trước giảm 06 vụ, so với cùng kỳ năm trước tăng 03 vụ; không có người chết và bị thương, thiệt hại về tài sản trị giá khoảng 125,1 triệu đồng. Nguyên nhân cháy chủ yếu là do sự cố về điện, sự cố trong sử dụng gas, ... Trong tháng, đã xảy ra 01 vụ nổ, làm bị thương 01 người.

3. Kết quả giải quyết việc làm:

Trong tháng 5, trên địa bàn thành phố đã thu hút lao động và giải quyết việc làm cho 27,1 ngàn lượt người, giảm 7,6% so tháng trước. Trong đó lao động có việc làm ổn định là 18,5 ngàn người, chiếm tỉ lệ 68,4% so với số lao động được giải quyết việc làm trong tháng. Số chỗ việc làm mới tạo ra là 10,3 ngàn chỗ làm, giảm 14,3% so tháng trước.

Kết quả từ đầu năm đến nay, thành phố đã giải quyết việc làm cho 125 ngàn lượt lao động, đạt 47,2% kế hoạch năm. Trong đó, lao động có việc làm ổn định là 88,4 ngàn người, chiếm tỉ lệ 70,7% so với số lao động được giải quyết việc làm. Số chỗ việc làm mới tạo ra là 50,4 ngàn chỗ làm, đạt 40,3% kế hoạch năm.

Từ ngày 16/04 đến ngày 11/05, trên địa bàn thành phố đã có: 12.659 người lao động đến Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố đăng ký thất nghiệp; 13.959 người đã nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Trên đây là một số chỉ tiêu cơ bản về tình hình kinh tế xã hội của thành phố trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2012.